

NGHỊ QUYẾT**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XI)****Về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045**

I. TÌNH HÌNH

Đam Rông là huyện được áp dụng các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững. Nhờ sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và sự nỗ lực, quyết tâm, cố gắng của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân nên những năm qua, kinh tế - xã hội phát triển và đạt được kết quả khá toàn diện. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,1%/năm; tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng trưởng bình quân 9,5%; thu nhập trên một đơn vị diện tích đạt 86,3 triệu đồng/ha năm 2020; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân đạt 11,1%/năm; thương mại, dịch vụ đạt 15,7%/năm; hạ tầng kinh tế - xã hội được ưu tiên đầu tư khá đồng bộ và từng bước hoàn thiện; kinh tế nông nghiệp nhiều chuyển biến; diện mạo nông thôn khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiến bộ, giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được đầu tư, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng; thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững đạt kết quả khá tốt; đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,46%, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn 11,7%. Quốc phòng, an ninh giữ vững ổn định. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được tăng cường, củng cố.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được đầu tư, hỗ trợ từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, chính sách của tỉnh và sự tham gia hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện; qua đó, đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo, cận nghèo ngày càng được cải thiện. Đến cuối năm 2020, toàn huyện Đam Rông có 4/8 xã thoát khỏi khu vực III, 27/53 thôn thoát khỏi thôn đặc biệt khó khăn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế: Kinh tế - xã hội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và sự đầu tư của Trung ương, tỉnh. Việc xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực còn lúng túng, thu nhập trên đơn vị diện tích thấp so với bình quân chung của tỉnh. Kết cấu hạ tầng đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ chưa đầu tư đồng bộ. Công tác quản lý, bảo vệ rừng và tài nguyên khoáng sản còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, nhất là tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao hơn bình quân chung của tỉnh. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định; vấn đề “*di dân tự do*”, dân về “*làng cũ*” chưa được giải quyết dứt điểm. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị có mặt chưa đạt yêu cầu.

Những tồn tại, hạn chế trên do các nguyên nhân chủ yếu sau: Huyện Đam Rông có xuất phát điểm về kinh tế thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, các tuyến đường giao thông kết nối vùng kinh tế của tỉnh và khu vực lân cận chưa được đầu tư đồng bộ; nguồn lực đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách của Trung ương, tỉnh. Mặt khác, Đam Rông là huyện có tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, trình độ sản xuất, canh tác còn thấp, chuyển biến về nhận thức chưa nhiều, còn trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, thiếu chủ động vươn lên trong lao động sản xuất và thoát nghèo. Năng lực lãnh đạo của một số tổ chức đảng chưa được phát huy đúng mức; tính tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao; đoàn kết, thống nhất có thời điểm chưa tốt; việc kiểm tra, đôn đốc, phát hiện vi phạm trên một số lĩnh vực còn chậm, thiếu quyết liệt, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm..., ảnh hưởng tới kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, giữa hỗ trợ của tỉnh và sự nỗ lực vươn lên của địa phương; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa địa phương với các địa phương khác trong tỉnh. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, sử dụng nguồn lực của mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và các lĩnh vực kinh tế địa phương có tiềm năng, thế mạnh.

- Xác định nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực; nhiệm vụ giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, xuyên suốt; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân là thường xuyên. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn, giữ gìn văn hóa truyền thống các dân tộc; giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ; hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy sự năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường vươn lên của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu

- Đến năm 2025: Đam Rông đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thoát nghèo bền vững; thu nhập bình quân của người dân tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020; Trung tâm Bằng Lăng và xã Đạ Rsal cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại V.

- Đến năm 2030: Đam Rông là huyện phát triển trung bình của tỉnh; thu nhập và đời sống của người dân bằng mức bình quân chung của tỉnh. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông nội huyện, Tỉnh lộ 722. Hoàn thành một số điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dọc Tỉnh lộ 722, 724 và khu vực Phi Liêng, Đạ K'Nàng.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Là huyện phát triển khá của tỉnh, tự cân đối được ngân sách; tỷ lệ đô thị hóa trên 40%; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đạt mức khá cao.

2.2. Các chỉ tiêu cụ thể

a. Giai đoạn 2021 - 2025:

- Tăng trưởng kinh tế đạt 10,5%/năm; tổng mức đầu tư toàn xã hội 9.123 tỷ đồng; thu ngân sách nhà nước tăng 15 - 16%/năm.

- Đến năm 2025, là huyện nông thôn mới; cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản 45 - 47%; Công nghiệp - xây dựng 15 - 16%; Dịch vụ 38 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 6,5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2026. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35%; 100% số xã, thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định. Tỷ lệ hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh 95%. Tỷ lệ độ che phủ rừng trên 65%. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng (*giao thông nông thôn, lưới điện, nước sạch, thông tin...*) theo chuẩn huyện nông thôn mới.

b. Giai đoạn 2025 - 2030:

- Tăng trưởng kinh tế 11 - 12%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng từ 16 - 17%. Tổng mức đầu tư toàn xã hội tăng 10 - 12%/năm.

- Đến năm 2030, là huyện phát triển trung bình của tỉnh. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản 39,4%; Công nghiệp - xây dựng 17,2%; Dịch vụ 43,4%. Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%. Tỷ lệ đô thị hóa 31%; duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng trên 65%. Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh 98%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 40%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung mọi nguồn lực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội; giảm nghèo nhanh và bền vững; hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới

1.1. Phát triển kinh tế - xã hội

- Xây dựng trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025¹, gắn với quy hoạch vùng huyện Đạm Rông đến năm 2045. Phát triển nông nghiệp theo hướng: Bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất. Đảm bảo cơ cấu nông nghiệp hợp lý theo hướng thâm canh, tăng năng suất, chất lượng các cây trồng chủ lực, gắn với tăng tỷ trọng chăn nuôi; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại gắn với hình thành các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Hình thành các khu chăn nuôi tập trung (*tại khu vực 03 xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long; khu vực Phi Liêng, Đạ K'Nàng*).

- Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả và đẩy mạnh công tác chuyển đổi các diện tích canh tác hiệu quả thấp (*dưới 50 triệu đồng/ha/năm*) sang các loại cây trồng có hiệu quả cao hơn hoặc chăn nuôi thủy sản phù hợp với

¹⁾ a. Tiểu vùng 1: Xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng, chuyển đổi và thâm canh cây cà phê ổn định diện tích 3.500 ha, năng suất trung bình trên 4,5 tấn/ha; phát triển diện tích trồng rau, hoa thương phẩm 700 ha ứng dụng công nghệ cao, diện tích trồng mắc ca xen trong vườn cà phê trên 1.000 ha, chuối la ba trên 300 ha, diện tích dâu tằm 200 ha và chăn nuôi bò thịt cao sản. Phân đầu diện tích ứng dụng công nghệ cao từ 1.000-1.200 ha.

b. Tiểu vùng 2: Xã Đạ Rsal, Rô Men và Liêng Srônh, thâm canh ổn định diện tích cà phê 4.000 ha, năng suất trên 4 tấn/ha; phát triển trồng cây ăn trái (sầu riêng, bơ, bưởi da xanh) xen vườn cà phê diện tích trên 1.500 ha, diện tích dâu tằm 300 ha, thủy sản (nuôi cá nước lạnh đạt 20 ha). Diện tích ứng dụng công nghệ cao đạt 500 - 700 ha.

c. Tiểu vùng 3: Xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long, thâm canh diện tích lúa 840 ha (xây dựng trên 150 ha sản xuất lúa chất lượng cao), năng suất trung bình phân đầu đạt trên 60 tạ/ha; phát triển diện tích trồng dâu tằm trên 300 ha (trong đó diện tích trồng dâu nuôi tằm ứng dụng công nghệ cao đạt 50 - 60 ha), ổn định diện tích cà phê 1.000 ha, năng suất trên 2,5 tấn/ha; phát triển đàn gia súc (bò lai Sind, heo đen), thủy sản (nuôi cá nước lạnh đạt 30 ha).

điều kiện từng vùng và trình độ canh tác của người dân. Mở rộng liên kết giữa các hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tạo chuỗi giá trị gắn kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ; xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp địa phương.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Phi Liêng và Đa K'Nang, gắn với phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện. Phấn đấu đến năm 2025, có 8 - 10% diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đến năm 2030, đạt 12 - 14%; đến năm 2040, đạt trên 30%.

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện địa phương. Ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản từ nguồn nguyên liệu tại chỗ địa phương có tiềm năng, thế mạnh, như: Cà phê, cây ăn trái, dâu tằm, dược liệu, lâm sản, vật liệu xây dựng; các ngành tiểu thủ công nghiệp, như: Mây tre đan, dệt thổ cẩm.

- Năm 2023, xây dựng Đề án phát triển du lịch huyện Đam Rông trở thành điểm trung chuyển, kết nối tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên, tuyến du lịch sinh thái, du lịch văn hóa các dân tộc tại chỗ (*đọc Tỉnh lộ 722, 724: Đà Lạt - Lạc Dương - Đam Rông*). Kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, các cơ sở lưu trú và dịch vụ phục vụ du lịch tại Suối nước nóng (*xã Đa Tông, xã Đa Long*), Suối Tiêng Tang (*xã Đa M'Rông*), Thác 7 tầng (*xã Phi Liêng*), khu vực trung tâm huyện. Tăng cường liên kết vùng để phát triển mạnh ngành du lịch, trung tâm thương mại, năng lượng.

- Thực hiện hiệu quả nghị quyết, chương trình, kết luận của Trung ương và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển văn hóa; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn, đi đôi với việc vận động xóa bỏ các hủ tục, tập tục lạc hậu. Tập trung xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Chú trọng quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ huyện đến thôn, buôn, tổ dân phố đáp ứng các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; phát triển mạnh các phong trào thể thao quần chúng.

- Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, từng bước nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Đến năm 2025, hoàn thành cơ sở vật chất trường, lớp học và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo chuẩn.

- Xây dựng và nâng cao năng lực thu dung, điều trị của Trung tâm Y tế huyện; đầu tư, nâng cao năng lực Trạm y tế tuyến xã trong công tác khám chữa bệnh ban đầu; thu dung điều trị khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn và thực hiện khám, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm công tác phòng, chống dịch bệnh.

1.2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững

- Xây dựng kế hoạch, xác định lộ trình cụ thể từng năm cho từng xã theo phương châm “*dễ làm trước, khó làm sau*”. Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, huy động sức dân hợp lý trong xây dựng nông thôn mới; tập trung mọi nguồn lực hỗ trợ, hoàn thành các tiêu chí chưa đạt, nhất là về thu nhập, hộ nghèo

và nhà ở dân cư; quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (*chi tiết tại phụ lục I*). Xây dựng, ban hành Đề án hỗ trợ xây dựng nông thôn mới huyện Đam Rông trong năm 2022.

- Hoàn thiện xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn, lưới điện, hệ thống các hồ thủy lợi, hệ thống kênh mương nội đồng,...đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới vào năm 2025 (*chi tiết tại phụ lục II*).

- Triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu tại các xã Phi Liêng, Rô Men và Đạ Rsal,...

- Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ giảm nghèo bền vững, thực chất và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để tạo sinh kế, đầu tư sản xuất giúp người dân chủ động vươn lên thoát nghèo và làm giàu; dạy nghề theo yêu cầu sản xuất, chú trọng một số ngành, nghề phù hợp với trình độ người dân, gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 2 - 2,3%/năm, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 6,5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2026. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%.

- Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo, hộ khó khăn chưa có nhà ở kiên cố.

2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Thực hiện đầu tư đồng bộ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm giải quyết vấn đề bức thiết; đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, nước sinh hoạt; phát triển sản xuất, bảo đảm sinh kế bền vững; chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; sắp xếp, bố trí ổn định dân di cư tự do nhằm đảm bảo đầy đủ các điều kiện ổn định sản xuất, đời sống lâu dài, thu hẹp khoảng cách giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các vùng khác.

- Hoàn thành đầu tư kết cấu hạ tầng tại các xã, khu vực khó khăn. Nhân rộng, chuyển giao các mô hình sản xuất hiệu quả, phát động phong trào học hỏi, thi đua trong sản xuất, nhất là tại các xã: Đạ Long, Đạ Tông, Đạ M' Rông và Liêng Srônh.

- Đến năm 2025, hoàn thành bố trí ổn định dân di cư tại khu căn cứ Đạ M' Pô, tiểu khu 179, tiểu khu 181 và Tây Sơn, xã Liêng Srônh.

- Thực hiện nhất quán chính sách hỗ trợ có điều kiện, từng bước giảm dần và chấm dứt chính sách hỗ trợ cho không, tăng việc hỗ trợ có hoàn trả, có điều kiện, gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận cơ chế, chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo, như: Chính sách hỗ trợ làm nhà ở, hỗ trợ sản xuất, tạo sinh kế, chính sách cho vay vốn,...

- Tuyên truyền, vận động người dân quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có để phát triển sản xuất. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong mọi tình huống; không để việc lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Gắn công tác bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, với khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống và hoạt động du lịch; lựa chọn từ 01 - 02 mô hình làng nghề, buôn truyền thống để phục dựng không gian văn hóa truyền thống (*kiến trúc, nhà ở, trang phục, ẩm thực,...*), văn hóa phi vật thể (*phong tục, tập quán, lễ hội, các làn điệu dân ca, dân vũ,...*) đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch.

- Phát huy vai trò hệ thống chính trị, nòng cốt là Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cấp ủy, chính quyền cơ sở tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức làm thay đổi tư duy, thói quen canh tác, tích cực lao động, tiết kiệm trong sinh hoạt, mạnh dạn bỏ vốn đầu tư, vươn lên thoát nghèo và làm giàu của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp giữ rừng, phát triển rừng, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản

- Phát triển các mô hình kinh tế lâm nghiệp theo hướng lựa chọn các loài cây trồng phù hợp (*cây đa mục đích, dược liệu*) vừa có giá trị kinh tế và tăng tỷ lệ che phủ rừng. Đồng thời, hướng đến khai thác hiệu quả giá trị môi trường rừng thông qua việc chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái. Quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên với bảo vệ rừng, khai thác tốt nguồn vốn từ giá trị quyền sử dụng đất, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên sẵn có phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm đội ngũ cán bộ ngành lâm nghiệp và của hệ thống chính trị ở cơ sở, cùng nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; kiên quyết thay thế cán bộ thiếu trách nhiệm, thiếu nhiệt huyết, tiếp tay, bao che trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Xử lý nghiêm minh, đúng quy định pháp luật đối với các hành vi vi phạm, xâm phạm rừng, đất rừng trái phép. Phấn đấu, hàng năm giảm từ 10 - 15% trở lên số vụ phá rừng và giảm từ 15 - 20% trở lên về diện tích rừng, khối lượng lâm sản bị thiệt hại; trong đó: Năm 2021, trên 70% số vụ phá rừng phải xác định, lập hồ sơ xử lý được đối tượng vi phạm; từ năm 2022 - 2025, mỗi năm tăng thêm từ 2 - 2,5%.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi khai thác khoáng sản trái pháp luật.

4. Quản lý và thực hiện tốt quy hoạch; hoàn thiện hạ tầng đô thị và các tuyến giao thông đối ngoại trọng yếu

- Quản lý và triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện Đam Rông đến năm 2040, phù hợp với quy hoạch tổng thể tỉnh Lâm Đồng; phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế và đặc thù riêng có của huyện Đam Rông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Nghiên cứu, phát triển không gian đô thị phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Lâm Đồng đến năm 2045; hình thành các đô thị, trạm dừng chân theo trục dọc Quốc lộ 27, gồm: Trung tâm Bằng Lãng, Phi Liêng và Đạ Rsal. Đến năm 2025, hoàn thành hệ thống hạ tầng khu Trung tâm Bằng Lãng và xã Đạ Rsal, đáp ứng tiêu chí đô thị loại V và đến 2035, đạt chuẩn đô thị loại IV.

- Đến năm 2025, hoàn thành đầu tư nâng cấp đường Tỉnh lộ 722 - Trường

Sơn Đông, kết nối huyện Đam Rông - Lạc Dương - Đà Lạt. Đến năm 2030, hoàn thành đầu tư Tỉnh lộ 722, 724 theo chuẩn; đồng thời với việc đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 và cao tốc Liên Khương - Buôn Mê Thuột qua địa bàn huyện Đam Rông (theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

5. Xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù

Xem xét ban hành một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển của huyện, gồm: Cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư; quy hoạch, lập các dự án khai thác quỹ đất; sử dụng nguồn thu từ khai thác quỹ đất để đầu tư kết cấu hạ tầng, an sinh xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm (Chi tiết tại phụ lục III, IV, V).

6. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; trong đó, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân là yếu tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm ổn định quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội; xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc.

- Thường xuyên quan tâm và chủ động, xử lý phù hợp các vụ việc về an ninh, trật tự từ khi phát sinh, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; không để xảy ra tình huống phức tạp “điểm nóng”, không để bị động, bất ngờ; xây dựng thực lực chính trị cơ sở vững mạnh trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, an ninh dân tộc, tôn giáo.

7. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách an sinh - xã hội phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính bền vững, có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội phát triển. Ưu tiên thực hiện tốt chính sách người có công trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên; quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, người khuyết tật; quan tâm, hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

8. Chăm lo xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc

- Quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng; đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí

Minh, gắn với các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Xây dựng Đảng bộ thực sự trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất; xây dựng tổ chức cơ sở đảng có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao; xây dựng đội ngũ đảng viên đủ về cơ cấu số lượng, đảm bảo về chất lượng, tiêu chuẩn.

- Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, năng động, quyết tâm, quyết liệt trong quản lý, điều hành; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý năng động, tâm huyết, trách nhiệm cao, dám nghĩ và hành động vì lợi ích chung, gắn với đào tạo, đào tạo lại đáp ứng yêu cầu phát triển địa phương. Quan tâm đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở và bố trí phù hợp cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thường xuyên chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc vững mạnh theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và phù hợp với đặc điểm địa phương; phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, sự đồng thuận của xã hội thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này và xây dựng cơ chế chính sách tạo đột phá trong phát triển của huyện Đam Rông.

- Chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên quan tâm, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ, tạo điều kiện, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho huyện Đam Rông trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Huyện ủy Đam Rông lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết với quyết tâm chính trị cao, bằng các chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đam Rông,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, KT₃.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Đức Quận

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI CUỐI NĂM 2020
VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên xã	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19	Thực hiện đến cuối năm 2020		KH thực hiện năm 2021	KH thực hiện năm 2022	KH thực hiện năm 2023	KH thực hiện năm 2024	KH thực hiện năm 2025
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC văn hóa		Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	LĐ có việc làm	Tổ chức SX	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	HT chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh							
1	Đạ R'Sal	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	19	Xã NTM Nâng cao	Xây dựng NTM kiểu mẫu	Xây dựng NTM kiểu mẫu	Xã đạt NTM kiểu mẫu	Xã NTM kiểu mẫu	Xã NTM kiểu mẫu
2	Rô Men	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	19	4 tiêu chí nâng cao	8 tiêu chí nâng cao	9 tiêu chí nâng cao	10 tiêu chí nâng cao	11 tiêu chí nâng cao	Xã đạt NTM Nâng cao
3	Đạ Tông	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	2022	2022	đạt	2021	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	16		17	Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí nâng cao	5 tiêu chí nâng cao	8 tiêu chí nâng cao
4	Đạ Long	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	2023	2024	2024	đạt	2021	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	15		16	16	17	Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí nâng cao
5	Đạ M'Rông	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	2022	2023	2023	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	2021	đạt	đạt	15		17	18	Xã đạt chuẩn NTM	2 tiêu chí nâng cao	4 tiêu chí nâng cao
6	Liêng S'Rônh	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	—	đạt	2021	2024	2024	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	16		17	17	17	Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí nâng cao
7	Phi Liêng	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	19		4 tiêu chí nâng cao	8 tiêu chí nâng cao	Xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xây dựng NTM kiểu mẫu	Xây dựng NTM kiểu mẫu
8	Đạ K'Nàng	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	2021	18		Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí nâng cao	7 tiêu chí nâng cao	10 tiêu chí nâng cao	Xã đạt chuẩn NTM nâng cao

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt				
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt				Đạt	
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Đạt				
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt			Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt				
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt				Đạt	
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt			Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	1/4 trường (đạt 25%)		2/4 trường (đạt 50%)	3/4 trường (đạt 75%)	
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.	Đạt				Đạt	
		7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt			Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
7	Môi trường	7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%				Đạt	
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt				
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt				
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt				

Ghi chú: Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Hiện nay, huyện có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đạ R'Sal, Rô Men, Phi Liêng*) ; giai đoạn 2021 - 2024 các xã còn lại của huyện sẽ đạt chuẩn nông thôn mới (*cuối năm 2021 xã Đạ K'Nàng; năm 2022 xã Đạ Tông; năm 2023 xã Đạ M'Rông, năm 2024 xã Liêng Srônh và Đạ Long*) .

PHỤ LỤC 3
CƠ CHẾ ĐÁU GIÁ ĐẤT TẠO VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Stt	Tên đề án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (m2)	Dự kiến đơn giá khởi điểm để đấu giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng		42,104.0		58,201,175,000	
1	Đất trụ sở Trung tâm Nông nghiệp	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2,748.0	5,150,000	14,152,200,000	Văn bản số 8559/UBND-ĐC ngày 06/12/2007 của UBND tỉnh
2	Đất Trạm Y tế xã Phi Liêng cũ	Thôn Trung tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2,840.0	2,352,000	6,679,680,000	Thửa đất số 61 -Tờ Bản đồ số 11
3	Đất Trường MN Đạ Rsal - Điểm trường Phi Có	Thôn Phi có, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2,113.0	580,000	1,225,540,000	Giấy CNQSDĐ số CT00211
4	Đất Trường MN Đạ M'Rông - Điểm trường Liêng K'rắc 1	Thôn Liêng K'rắc 1, xã Đạ M'Rông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	1,078.0	700,000	754,600,000	Sổ đỏ
5	Trường TH Lăng Tô - Điểm trường Pul	Thôn Pul, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	9,900.0	990,000	9,801,000,000	QĐ số 3251/QĐ-UBND
6	Trường TH Đạ K'Nàng - Điểm trường Chính	Thôn Đạ K'Nàng, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	3,990.0	1,800,000	7,182,000,000	Giấy CNQSDĐ số P 804425
7	Trường MN Bằng Lăng	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	3,567.0	3,225,000	11,503,575,000	QĐ số 3337/QĐ-UBND ngày 31/12/2009; QĐ số 2202/QĐ-UBND ngày 01/11/2013
8	Đất đã Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư Đạ Mul, xã Đạ K'Nàng	Thôn Đạ Mul, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	15,868.0	435,000	6,902,580,000	

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC
(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Vốn đã bố trí (Triệu đồng)		Ghi chú
				Tổng số	Năm 2021	
	Tổng cộng		1,361,979			
I	Đang triển khai năm 2021		494,519	115,122	12,300	
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	127 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	84,340	68,552	3,300	Hoàn thành năm 2022
2	DA xây dựng hồ Thuỷ lợi Đập Bằng Lăng, xã Rô Men	DT tưới 300ha (KV 02 xã Liêng Srônh và Rô Men)	56,000	23,570	6,000	Hoàn thành năm 2022
3	Đường từ Trung tâm huyện đi quốc lộ 27	850m đường + cầu BTCT vĩnh cửu dài 82m	105,895	2,000	2,000	
4	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực Tây Sơn, TK 179 xã Liêng Srônh	192 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	159,784	20,000		
5	Xây dựng đường nội thị Bằng Lăng	3,74km - BTN C19 dày 7cm	88,500	1,000	1,000	
II	Trong giai đoạn năm 2021-2025		867,460			
1	Nâng cấp hồ Đạ Ri Ông, xã Rô Men	DT tưới 178ha	45,000			
2	Xây dựng hồ thuỷ lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng	DT tưới 200ha	31,400			
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	DTXD 2.264m ² ; DTS 2.694m ²	40,000			
4	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ (750 hộ xã Liêng Srônh + 700 hộ xã Rô Men)	20,000			
5	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Nâm, Păng Pé Dong, xã Đạ Rsal	600 hộ	19,000			
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đạ Mul, Đạ K'Nàng, Păng Dung, Păng Pá, xã Đạ K'Nàng	900 hộ	22,000			
7	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ	18,000			
8	Xây dựng Trường TH Đạ K'Nàng	03 khối 24 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.728m ² ; DT sàn: 3.350m ²	54,500			

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Vốn đã bố trí (Triệu đồng)		Ghi chú
				Tổng số	Năm 2021	
9	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	105 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	90,000			
10	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do 179 xã Liêng Srônh	17,8km - BTXM dày 20cm	99,000			
11	Xây dựng đường từ Tỉnh lộ 722 vào thôn Đạ Nhin 1 + 2, xã Đạ Tông	435m + 2 cầu BTCT	34,410			
12	Đường GTNT thôn 3 (Liên Hưng) đi khu dân cư tự do Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	13km - BTXM dày 22cm	95,000			
13	Xây dựng Trường MN Bằng Lăng	4 khối 16 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.579m ² ; DT sân: 2.551m ² .	35,000			
14	Gia cố bờ sông Đạ Tể, xã Đạ M'Rông (Giai đoạn 2)	1km	24,200			
15	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do Tây Sơn xã Phi Liêng	10km	75,000			
16	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	5km	30,000			
17	Xây dựng kè sạt lở và nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đạ Rsal - Đạ M'Rông	13,1km nâng cấp, mở rộng đường và 2,5 km kè sạt lở	85,000			
18	Kè sạt lở đường vào khu quy hoạch Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	1km	35,000			
19	Xây dựng đường giao thông vào KSX thôn Lăng Tô, xã Đạ K'Nang	4,5km	14,950			

PHỤ LỤC 5
DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (ha)	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng				1,751,295	
1	Xây dựng, quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông	Khu trung tâm hành chính Bằng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	1.56	Dự án sẽ là trung tâm mua bán, trao đổi hàng hoá hiện đại, đạt tiêu chuẩn và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy hoạch chung của khu trung tâm hành chính Bằng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng góp phần thúc đẩy phát kinh tế xã hội tại địa phương	232,085	
2	Trạm dừng chân và khu dân cư Bằng Lãng, huyện Đam Rông	Thôn 4, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	8.94	Dự án đầu tư nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Đam Rông, trong đó có công tác quy hoạch xây dựng đô thị, hướng đến cải thiện không gian của xã Liêng Srônh khang trang, hiện đại hơn, phù hợp với quy hoạch phát triển của huyện Đam Rông nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung	279,210	
3	Bến xe trung tâm huyện Đam Rông	Khu trung tâm hành chính Bằng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2.1	Nhằm phục vụ nhu cầu vận tải hàng hoá, hành khách đường bộ, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân góp phần thúc đẩy phát kinh tế xã hội tại địa phương	100,000	
4	Dự án Khu dân cư Đông Nam (khu B)	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	5,0	Các dự án xây dựng khu dân cư nhằm mục tiêu giúp các xã phấn đấu sớm đạt các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao qua đó góp phần đưa huyện Đam Rông đến năm 2025 là huyện nông thôn mới theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Mặt khác, việc quy hoạch mở rộng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt là xây dựng các khu dân cư là hết sức cần thiết, vừa chỉnh trang phát triển cơ sở hạ tầng, vừa tận dụng khai thác, tránh làm lãng phí quỹ đất chưa được quy hoạch sử dụng đồng thời	50,000	
5	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Phi Liêng	Thôn Trung Tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	26,0		300,000	
6	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đa Tông	Khu vực trung tâm xã Đa Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	8.06		80,000	
7	Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tín dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bằng Lãng	Khu trung tâm hành chính Bằng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	0,41	Đáp ứng nhu cầu kinh doanh mua bán hàng hoá, tín dụng ngân hàng và vui chơi giải trí	100,000	

8	Khu du lịch sinh thái thác Bảy Tầng	Xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	36,4	Phục vụ nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng	100,000	
9	Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men	Xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	5,3	Xử lý rác thải	60,000	
10	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Bằng Lũng	Khu vực trung tâm hành chính huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	6,5	Các dự án xây dựng khu dân cư nhằm mục tiêu giúp các xã phấn đấu sớm đạt các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao qua đó góp phần đưa huyện Đam Rông đến năm 2025 là huyện nông thôn mới theo đúng tinh thần	65,000	
11	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đạ Rsal	Thôn Tân Tiến, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	36,5	Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Mặt khác, việc quy hoạch mở rộng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt là xây dựng các khu dân cư là hết sức cần thiết, vừa chỉnh trang phát triển cơ sở	385,000	